

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Hà	Phương	TLA010880	2	35.75		35.75
2	Nguyễn Thị	Hạnh	TLA004432	1	33.00	0.5	33.67
3	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	2	33.50		33.50
4	Nguyễn Thảo	Nguyễn	HHA010294	3	32.75	0.5	33.42
5	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	4	33.25		33.25
6	Lê Kiều	Minh	TLA009169	2	33.25		33.25
7	Lê Tú	Anh	BKA000358	1	33.00		33.00
8	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	2	32.00	0.5	32.67
9	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	2	32.25		32.25
10	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	2	31.50	0.5	32.17
11	Vũ Trường	Anh	TLA001373	2	31.50	0.5	32.17
12	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	2	32.00		32.00
13	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	3	31.25	0.5	31.92
14	Trịnh Thị Diệu	Linh	HDT014905	2	31.25	0.5	31.92
15	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	3	27.00	3.5	31.67
16	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	1	31.25		31.25
17	Nông Đức	Minh	SPH011485	2	29.75	1.0	31.08
18	Nguyễn Hà	Anh	TLA000602	3	31.00		31.00
19	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	2	29.00	1.5	31.00
20	Đặng Việt	Hà	HHA003669	2	31.00		31.00
21	Nguyễn Huy	Long	HVN006271	1	30.25	0.5	30.92
22	Hồ Thị Bảo	Uyên	TDV035518	3	29.50	1.0	30.83
23	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	3	28.75	1.5	30.75
24	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	1	30.75		30.75
25	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	1	30.00	0.5	30.67
26	Nguyễn Thảo	My	THV008838	3	28.50	1.5	30.50
27	Lê Quốc	Nghĩa	TLA009969	2	30.50		30.50
28	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	2	30.50		30.50
29	Nguyễn Kim	Chi	TLA001883	1	30.50		30.50

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 2

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Ngô Thu	Hiền	SPH005905	2	30.25		30.25
31	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	2	30.25		30.25
32	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	2	28.75	1.0	30.08
33	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	3	28.00	1.5	30.00
34	Trần Thị	Thúy	TDV030758	1	29.25	0.5	29.92
35	Đào Tường	Chi	SPH002348	3	29.75		29.75
36	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	2	29.75		29.75
37	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	1	27.75	1.5	29.75
38	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	3	29.50		29.50
39	Trần Phương	Linh	TQU003276	3	27.50	1.5	29.50
40	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	2	28.75	0.5	29.42
41	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	4	28.00	1.0	29.33
42	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	2	28.00	1.0	29.33
43	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	3	29.25		29.25
44	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	4	27.75	1.0	29.08
45	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	2	27.75	1.0	29.08
46	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	3	27.00	1.5	29.00
47	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	2	27.00	1.5	29.00
48	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	2	27.00	1.5	29.00
49	Nguyễn Phương	Linh	BJA007595	2	29.00		29.00
50	Nguyễn Nhật	Linh	TLA008002	1	29.00		29.00
51	Bùi Ngọc Minh	Châu	LNH000919	1	24.25	3.5	28.92
52	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	4	27.50	1.0	28.83
53	Ngô Thị	Nhàn	BJA009759	3	27.50	1.0	28.83
54	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	3	28.75		28.75
55	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	3	28.00	0.5	28.67
56	Trần Huyền	Trang	LNH009903	3	24.00	3.5	28.67
57	Nguyễn Phương	Anh	BJA000546	1	28.50		28.50
58	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018328	4	27.00	1.0	28.33

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	3	28.25		28.25
60	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	3	26.25	1.5	28.25
61	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	3	28.25		28.25
62	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	4	23.50	3.5	28.17
63	Trần Thùy	Trang	SPH017842	3	27.50	0.5	28.17
64	Hoàng Hồng	Huệ	THV005302	2	23.50	3.5	28.17
65	Đặng Thị	Hường	BKA006562	1	26.75	1.0	28.08
66	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	2	28.00		28.00
67	Nguyễn Thị Phương	Thảo	THV012240	2	26.00	1.5	28.00
68	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	2	28.00		28.00
69	Kiều Phương	Linh	DCN006281	3	27.25	0.5	27.92
70	Phan Thị	Phương	BKA010481	2	26.50	1.0	27.83
71	Phạm Thu	Trang	HHA014774	3	25.75	1.5	27.75
72	Dương Đức	Anh	BKA000119	3	27.75		27.75
73	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	2	25.75	1.5	27.75
74	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	3	27.00	0.5	27.67
75	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	3	27.00	0.5	27.67
76	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	3	25.50	1.5	27.50
77	Phạm Thị Ngọc	Phượng	SPH013964	1	27.50		27.50
78	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	1	27.50		27.50
79	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	3	22.75	3.5	27.42
80	Lê Đức	Mạnh	BKA008509	2	27.25		27.25
81	Dương Thị Mỹ	Linh	HDT013796	2	26.50	0.5	27.17
82	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	2	26.50	0.5	27.17
83	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	3	25.75	1.0	27.08
84	Phạm Huyền	Cơ	TLA002178	2	27.00		27.00
85	Hồ Minh	Anh	SPH000347	1	27.00		27.00
86	Trần Quỳnh	Châu	KHA001131	2	26.25	0.5	26.92
87	Mai Thục	Anh	HDT000865	1	26.00	0.5	26.67

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 4

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	3	24.50	1.5	26.50
89	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	3	25.75	0.5	26.42
90	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	3	25.50	0.5	26.17
91	Nguyễn Thị	Hà	THP003838	3	25.25	0.5	25.92
92	Trần Thị Thiên	Nga	KHA007005	2	24.50	1.0	25.83
93	Trần Diệp	Anh	SPH001462	1	25.75		25.75
94	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	3	25.00	0.5	25.67
95	Lại Thanh	Nga	HHA009721	2	25.00	0.5	25.67
96	Trần Thị	Tho	KQH013186	3	23.75	1.0	25.08
97	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	2	24.25	0.5	24.92
98	Lê Thu	Hà	HDT006724	4	23.50	1.0	24.83
99	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	3	24.00	0.5	24.67
100	Nguyễn Thị Hồng	Khuyên	KQH007163	3	23.25	1.0	24.58
101	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	3	22.50	1.5	24.50
102	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	1	22.50	1.5	24.50
103	Hoàng Linh	Đan	HHA002851	3	23.75	0.5	24.42
104	Nguyễn Tuấn	Hoàng	SPH006883	1	24.25		24.25
105	Trần Minh	Hằng	KHA003290	2	23.50	0.5	24.17
106	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	3	23.25	0.5	23.92
107	Trần Thị	Khá	YTB011172	2	22.50	1.0	23.83
108	Bùi Thu	Thủy	HVN010237	1	23.50		23.50
109	Nguyễn Hồng	Diệp	TND005166	3	18.75	3.5	23.42
110	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	2	21.00	1.5	23.00
111	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	3	21.50	1.0	22.83
112	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	3	21.25	1.0	22.58
113	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	3	18.75	2.5	22.08
114	Đào Thị	Thu	HVN010083	3	20.00	1.0	21.33
115	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	3	21.00		21.00
116	Vũ Hồng	Ngọc	THV009610	2	19.00	1.5	21.00

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 5

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	3	20.25	0.5	20.92
118	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	LNH007762	3	20.00	0.5	20.67
119	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	3	19.00	0.5	19.67
120	Nguyễn Thị	ánh	TLA001446	3	13.50	1.0	14.83

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU